

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VB
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15-9-2022

V/v ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Phạm Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H; nơi cư trú: Thôn Z, AN, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Hữu B; nơi cư trú: Thôn Z, AN, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Hữu B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19-3-1994 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, anh chị H thuận hạnh phúc thời gian đầu và có 02 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2014 do anh B chơi cờ bạc,

đánh đập chị nên chị đã bỏ về gia đình ở cùng thôn sinh sống. Năm 2015 chị quay về đoàn tụ cùng anh, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn phát sinh do anh B thường xuyên đánh đập chị. Từ năm 2021 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Nay nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Hữu B.

Về con chung: Chị và anh Phạm Hữu B có 02 con chung là Phạm Thị A, sinh ngày 11-12-1994 và Phạm Hữu Đ, sinh ngày 16-8-2000 hiện nay đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Hữu B xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Phạm Thị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống thuận hạnh phúc thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2014 do bất đồng quan điểm về tình cảm và kinh tế nên đã xảy ra bất hòa. Chị H đã làm đơn ly hôn anh và bỏ về gia đình chị ở cùng thôn sinh sống, sau đó vợ chồng trở về đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn phát sinh do chị H không chia sẻ với công việc của anh, kinh tế trong gia đình của ai người đó quản lý. Vợ chồng đối xử với nhau lạnh nhạt nên chị H đã về gia đình chị sinh sống. Anh đã tìm chị H nhưng chị không trở về đoàn tụ cùng anh. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị H có 02 con chung Phạm Thị A, sinh ngày 11-12-1994 và Phạm Hữu Đ, sinh ngày 16-8-2000 hiện nay đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng nguyên đơn, bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, không tham gia các phiên họp, phiên H giải, tại phiên tòa bị đơn

vắng mặt không có lý do, tuy nhiên vi phạm của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Phạm Hữu B. Về con chung: Chị H và anh B có hai con chung là Phạm Thị A, sinh ngày 11-12-1994 và Phạm Hữu Đ, sinh ngày 16-8-2000 hiện nay đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị H và anh B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Phạm Hữu B có hộ khẩu thường trú tại Thôn Z, AN, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Phạm Hữu B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, chị Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Hữu B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh B vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị H và anh Phạm Hữu B.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Hữu B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 19-3-1994, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nên đã xảy ra bất hòa. Nay chị H xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị được ly hôn với anh B. Quá trình giải quyết vụ án, anh B không đồng ý ly hôn với chị H. Qua xác minh thì thấy vợ chồng chị H và anh B có mâu thuẫn, anh chị đã

sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu thuận của chị Phạm Thị H xin ly hôn với anh Phạm Hữu B phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Hữu B có hai con chung là Phạm Thị A, sinh ngày 11-12-1994 và Phạm Hữu Đ, sinh ngày 16-8-2000 hiện nay đều đã trưởng thành. Anh chị không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Hữu B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Phạm Hữu B.
2. Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Hữu B có hai con chung là Phạm Thị A, sinh ngày 11-12-1994 và Phạm Hữu Đ, sinh ngày 16-8-2000 hiện nay đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Hữu B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002290 ngày 09 tháng 6 năm 2022. Chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Ủy ban nhân dân xã TL huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền